MA-891

305581

GENERAL INFORMATION

Description

MA-891 là một dòng tế bào ung thư tuyến vú ở chuột có khả năng di căn cao, được phân lập từ một khối u tuyến vú tự phát ở chuột và được chọn lọc dựa trên đặc tính di căn mạnh mẽ. Dòng tế bào này phát triển dưới dạng lớp đơn bám dính và được phân loại là dòng tế bào khối u đồng gen, tương thích với vật chủ chuột có hệ miễn dịch bình thường, cho phép thực hiện các nghiên cứu in vivo về sự phát triển, di căn và tương tác miễn dịch của ung thư tuyến vú. MA-891 là một biến thể có khả năng di căn cao, được chọn lọc dựa trên xu hướng lan rộng đến các cơ quan xa, đặc biệt là phổi.
MA-891 có thể ứng dụng trong nghiên cứu ung thư vú ở chuột, bao gồm các nghiên cứu về sinh học chuỗi di căn, xâm lấn, hình thành mạch máu, tương tác giữa khối u và hệ miễn dịch, cũng như đánh giá tiền lâm sàng các tác nhân chống di căn và chống ung thư. Nguồn gốc đồng gen của nó cho phép thử nghiệm các phương pháp điều trị miễn dịch trên vật chủ có hệ miễn dịch bình thường, bao gồm đánh giá chất ức chế điểm kiểm soát và phát triển vắc-xin ung thư. Khả năng di căn cao khiến nó trở thành một mô hình hữu ích để nghiên cứu các chiến lược phòng ngừa di căn và sinh học của ung thư vú tiến triển mạnh.

Tissue	Tuyến vú
Disease	Ung thư biểu mô
Metastatic site	Di căn (khả năng di căn cao; chủ yếu di căn đến phổi)

Applications

Nghiên cứu ung thư vú ở chuột; sinh học di căn; đánh giá thuốc chống di căn; liệu pháp miễn dịch khối u đồng gen; tương tác giữa khối u và hệ miễn dịch; nghiên cứu vắc-xin ung thư

Synonyms

- Mouse Mammary Carcinoma Highly Metastatic Cell Line

CLASSIFICATION

Organism	Mouse
Sex	Female
Growth properties	Adherent
Biosafety level	1

CHARACTERISTICS

Morphology	Tương tự biểu mô
Cell type	Dòng tế bào ung thư
Doubling time	khoảng 18 đến 24 giờ

IDENTIFIERS

Citation

MA-891 (Mã sản phẩm Cytion 305581)

NCBI TaxID	10090

HANDLING AND CULTURE

Culture medium

RPMI-1640 có chứa 10% huyết thanh bò phôi (FBS); dung dịch penicillin-streptomycin 1%

Incubation atmosphere	37°C, 5%CO_2, môi trường ẩm.

Supplements

Bổ sung vào môi trường nuôi cấy 10% FBS và 1% Penicillin-Streptomycin

Dissociation reagent	Accutase

Subculturing

Loại bỏ môi trường nuôi cấy, rửa bằng PBS không chứa canxi và magiê, phủ Accutase lên, ủ trong 8–10 phút ở nhiệt độ phòng, hòa tan lại trong môi trường nuôi cấy, ly tâm ở 300×g trong 3 phút, loại bỏ phần dịch nổi, cấy lại vào môi trường nuôi cấy mới.

Split ratio	1 đến 5
Seeding density	1 đến 3 × 10^4 tế bào/cm^2
Fluid renewal	Mỗi 2 đến 3 ngày

Thawing and culturing

Confirm that the vial remains deeply frozen upon delivery, as cells are shipped on dry ice to maintain optimal temperatures during transit.
Upon receipt, either store the cryovial immediately at temperatures below -150°C to ensure the preservation of cellular integrity, or proceed to step 3 if immediate culturing is required.
For immediate culturing, swiftly thaw the vial by immersing it in a 37°C water bath with clean water and an antimicrobial agent, agitating gently for 40-60 seconds until a small ice clump remains.
Perform all subsequent steps under sterile conditions in a flow hood, disinfecting the cryovial with 70% ethanol before opening.
Carefully open the disinfected vial and transfer the cell suspension into a 15 ml centrifuge tube containing 8 ml of room-temperature culture medium, mixing gently.
Centrifuge the mixture at 300 x g for 3 minutes to separate the cells and carefully discard the supernatant containing residual freezing medium.
Gently resuspend the cell pellet in 10 ml of fresh culture medium. For adherent cells, divide the suspension between two T25 culture flasks; for suspension cultures, transfer all the medium into one T25 flask to promote effective cell interaction and growth.
Adhere to established subculture protocols for continued growth and maintenance of the cell line, ensuring reliable experimental outcomes.

QUALITY CONTROL AND CRYOPRESERVATION

Freeze medium	Như một môi trường bảo quản đông lạnh, chúng tôi sử dụng môi trường tăng trưởng hoàn chỉnh (bao gồm FBS) + 10% DMSO để đảm bảo độ sống sau khi rã đông, hoặc CM-1 (mã sản phẩm Cytion 800100), bao gồm các chất bảo vệ thẩm thấu và chất ổn định chuyển hóa được tối ưu hóa để cải thiện quá trình phục hồi và giảm stress do đông lạnh gây ra.

Storage conditions

Để bảo quản lâu dài, hãy đặt ống nghiệm vào nitơ lỏng ở pha hơi ở nhiệt độ khoảng −150 đến −196 °C. Việc bảo quản ở −80 °C chỉ được chấp nhận như một bước trung gian ngắn hạn trước khi chuyển sang nitơ lỏng.

Shipping conditions

Các dòng tế bào được bảo quản bằng phương pháp đông lạnh được vận chuyển trên đá khô trong bao bì cách nhiệt đã được kiểm định, kèm theo lượng chất làm lạnh đủ để duy trì nhiệt độ khoảng −78 °C trong suốt quá trình vận chuyển. Khi nhận hàng, hãy kiểm tra ngay lập tức bao bì và chuyển các ống nghiệm sang nơi lưu trữ phù hợp mà không chậm trễ.

DONOR

Donor age	Tuổi không xác định
Ethnicity	Không xác định

LEGAL AND SAFETY

Safety precautions

Khi lập kế hoạch lưu trữ ống cryovial trong nitơ lỏng để rã đông sau này, việc tuân thủ các biện pháp an toàn nghiêm ngặt là bắt buộc. Găng tay và quần áo bảo hộ phù hợp là điều cần thiết, và việc sử dụng khẩu trang hoặc kính bảo hộ là bắt buộc trong quá trình chuyển mẫu đông lạnh vào hoặc ra khỏi bể nitơ lỏng. Điều này nhằm giảm thiểu nguy cơ chấn thương do nổ ống cryovial khi lấy ra, có thể dẫn đến việc văng ra các mảnh vỡ sắc nhọn.

Warranty

Tại Cytion, chúng tôi cam kết về chất lượng và khả năng sống của các sản phẩm của mình.
Chúng tôi đảm bảo rằng các tế bào của chúng tôi sẽ có khả năng sống tại thời điểm bắt đầu nuôi cấy trong
60 ngày kể từ khi vận chuyển từ cơ sở của chúng tôi.
Chúng tôi cam kết rằng tất cả các vật liệu tuân thủ các thông số kỹ thuật được mô tả trong
Giấy chứng nhận phân tích và/hoặc Tài liệu sản phẩm.
Để biết chi tiết đầy đủ, vui lòng tham khảo
<a href=""/Who-we-are/Warranty/"" hreflang=""x-default"">Tuyên bố Bảo hành.

Material Transfer Agreement required	Yes

Cytion GmbH
Nikola-Tesla-Str. 3
69124 Heidelberg
Tel: +49 (0)6221 405780
info@cytion.com
cytion.com

Registered office Heidelberg
VAT ID: DE283292917
Local court Mannheim - HRB 714394
CEO / Geschäftsführer: Jonathan Steubing

Banking information
Sparkasse Heidelberg
IBAN: DE35 6725 0020 0009 2076 86
BIC: SOLADES1HDB